TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải
Ông Nguyễn Hoành Đại

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:**
Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HDGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Lê Thị Th, sinh năm 1995. Xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa
(xã Ng, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa cũ).

2. *Bị đơn*: anh Phạm Văn Y, sinh năm 1992. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa
(xã Ng, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa cũ).
Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 02, Trại giam Thanh Lâm, Bộ công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lê Thị Th thể hiện như sau:

Chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y tự nguhuyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ng, huhuyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận

kết hôn ngày 22/01/2016. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2019 anh Y bài bạc, đánh nhau bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử về tội giết người, hiện tại đang chấp hành án. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con: Chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y có hai con chung là cháu Phạm Tùng A, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 25/5/2018. Chị đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2025 của anh Phạm Văn Y thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn Y và chị Lê Thị Th tự nguhuyện kết hôn và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay anh Y đang chấp hành án, anh Y không muốn ly hôn nhưng nếu chị Th cương quyết ly hôn thì tùy chị Th.

Về con: Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Tùng A, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 25/5/2018. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được nuôi một cháu, cháu nào cũng được.

Về tài sản và công nợ: không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2025 của cháu Phạm Tùng A thể hiện: Bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2025 của cháu Phạm Yến Nh thể hiện: Bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y tự nguhuyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ng, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/01/2016. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn 1, xã Ng, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) và có hai con chung là cháu Phạm Tùng A, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 25/5/2018. Đến năm 2018 thì anh Y, chị Th có xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2019 anh Y phạm tội giết người và hiện đang chấp hành án. Còn cụ thể như thế nào và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th, xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn Y. Về con: Đề nghị công nhận anh chị có hai con chung là cháu Phạm Tùng A, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 25/5/2018. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cả hai cháu Phạm Tùng A và Phạm Yến Nh cho chị Th trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị Th chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 22/8/2025, bị đơn là anh Phạm Văn Y vắng mặt do đang chấp hành án nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y tự nguhuyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/01/2016 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nổi và anh Y đang chấp hành án. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Y. Anh Y không muốn ly hôn nhưng nếu chị Th cương quyết ly hôn thì anh cũng tùy chị. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn Y và chị Lê Thị Th đều thống nhất có hai con chung là cháu Phạm Tùng A, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 25/5/2018 nên công nhận hai cháu là con chung của anh chị. Chị Th mong muốn được nuôi cả hai cháu, hai cháu đều có nguhuyện vọng xin ở với chị Th, anh Y hiện đang chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi con. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của anh Y; chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th, giao cả hai cháu Phạm Tùng A và Phạm Yến Nh cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là Chị Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn với chị Phạm Văn Y.

Về con: Công nhận chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y có 02 con chung là cháu Phạm Tùng A, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Phạm Yến Nh, sinh ngày 25/5/2018. Giao cả hai cháu Phạm Tùng A và Phạm Yến Nh cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi. Anh Phạm Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị Th thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Y.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thanh Hóa theo biên lai thu số 0000478 ngày 17/6/7/2025 (chị Lê Thị Th đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguhuyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th và anh Phạm Văn Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Huyện H;
- Chi cục THADS Huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Hải **Nguyễn Hoành Đại** **Lê Thị Ngọc Tú**